TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/DS-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ;

2. Ông Trần Thành Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXXST-DS ngày 01/7/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Nhật T, sinh năm 1989;

Cư trú: Khóm P, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: chị Đặng Ngọc M, sinh năm 2000. Cư trú: Khóm C, phường M, thành phố L, An Giang. ĐCLL: Số C B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 13/5/2024 (có mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thành E, sinh năm 1978;

Cư trú: Tổ 6, khóm H, thị trấn A, huyện C, An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ Trần Ngọc M1, tổ F, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 06/6/2024 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Nhật T do chị Đặng Ngọc M làm đại diện trình bày:

Do quen biết nên anh T có cho ông Nguyễn Văn Thành E vay nhiều lần tiền. Mục đích để sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Các bên có lập biên nhận mượn tiền. Cụ thể:

Ngày 30/01/2024, vay số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 03/3/2024, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Cả hai lần vay đều không thể hiện việc thỏa thuận về lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng bên ngoài là 1,67%/tháng, cũng không thỏa thuận thời hạn vay. Biên nhận là do ông Thành E trực tiếp viết và ký tên, anh T đã giao đủ tiền.

Tại biên nhận dù không thể hiện địa chỉ cụ thể của ông E, nhưng xác định là ông Nguyễn Văn Thành E, sinh năm 1978, số CCCD: 089078010642, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 20/8/2021, cư trú: khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ khi vay đến nay, bị đơn chưa trả tiền vốn gốc và lãi suất cho anh T nên nguyên đơn anh T nhiều lần đến nhà để tìm nhưng ông E vẫn vắng mặt, gọi điện thoại cũng không liên lạc được, vì bị đơn đã cố tình trốn tránh. Do ông E không trả số tiền trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Thành E trả số tiền vay vốn gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật 20%/ năm, kể từ ngày 03/3/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi anh Thành E trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Thành E: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông E vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý điều chỉnh lãi suất, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày khởi kiện (ngày 08/5/2024) cho đến ngày xét xử.

Bị đơn: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng theo hai biên nhận mượn tiền ngày 31/01/2024 và ngày 03/3/2024. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là có căn cứ. Đối với lãi suất, do hợp đồng vay không thỏa thuận thời gian nên xác định là hợp đồng không kỳ hạn. Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông E có nghĩa vụ cho nguyên đơn số tiền còn nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ông Thành E có nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn anh T ủy quyền cho chị Đặng Ngọc M tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Thành E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[4] Về nội dung: Tại hai biên nhận vay tiền đề ngày 31/01/2024 và ngày 03/3/2024 thể hiện bị đơn ông E có vay của anh T tổng số tiền là 130.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau.

Xét hình thức và nội dung của Biên nhận vay tiền: mặc dù biên nhận không thể hiện rõ địa chỉ cụ thể của bị đơn, nhưng có thể hiện số căn cước công dân. Qua đó, tại Thông báo số định danh cá nhân ngày 22/7/2024 của Công an thị trấn A đã xác định ông Nguyễn Văn Thành E có số CCCD 089078010642, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 20/8/2021, có địa chỉ thường trú tại tổ F, khóm H, thị trấn A, huyện C chính là bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên, hiện tại địa chỉ liên hệ của ông E là Nhà trọ Trần Ngọc M1, tổ F, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ theo quy định.

Xét thấy, việc vay mượn tiền xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ theo luật định. Theo thỏa thuận, bị đơn ông E phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh T số tiền nêu trên và lãi suất theo quy định. Nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà tìm và gọi điện nhưng vẫn không

liên lạc được, do bị đơn đã cố tình trốn tránh trách nhiệm. Hiện tại, bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 130.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về lãi suất: Bị đơn chậm thanh toán số tiền đã vay thì có trách nhiệm trả lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, xét hai biên nhận vay đều không thể hiện rõ thời hạn vay và lãi suất. Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015, xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn nại rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất là 20%/năm và có liên hệ bị đơn để đòi nợ, nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn đồng ý điều chỉnh yêu cầu tính lãi suất theo quy định là 10%/năm và thời hạn tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử. Xét đây là sự tự nguyên của nguyên đơn và có lợi có bị đơn, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Số tiền lãi cụ thể:

Từ ngày 08/5/2024 cho đến ngày xét xử 28/8/2024 là 03 tháng 20 ngày:

130.000.000đ x 10%/năm x 03 tháng 20 ngày = 3.917.000 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi: 130.000.000đ + 3.917.000 đồng = 133.917.000đồng

Như vậy, bị đơn ông Thành E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là: 133.917.000đồng *(Một trăm ba mươi ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn đồng).*

[6] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng vay:

Căn cứ với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 179, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhật T.

Buộc ông Nguyễn Văn Thành E phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Nhật T số tiền là 133.917.000đồng *(Một trăm ba mươi ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn đồng).*

2. Về án phí sơ thẩm: anh Trần Nhật T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000đồng (Ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004706 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ông Nguyễn Văn Thành E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.695.000 đồng *(Sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh